

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2014/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2014-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 37/TTr-BDT, ngày 29 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2014-2020 với nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định tiêu chí và định mức phân bổ vốn làm cơ sở để phân bổ vốn dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2014-2020.

Kinh phí quản lý Chương trình 135 không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

b) Đối tượng áp dụng: Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

- Phân bổ vốn Chương trình 135 hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và công bằng.

- Phân bổ vốn đối với dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất tính theo tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã, thôn 135.

- Phân bổ vốn đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo phương thức tính điểm. Định mức phân bổ vốn không chênh lệch quá 02 lần giữa các xã và giữa các thôn, mức tối đa không quá 2.000 triệu đồng/xã, 400 triệu đồng/thôn. Riêng đối với các xã An toàn khu mức vốn được xác định trên cơ sở tổng số điểm của các tiêu chí nhân với hệ số 1,5 nhưng bảo đảm không vượt quá mức tối đa chung.

3. Các tiêu chí phân bổ vốn

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: Áp dụng tiêu chí về số hộ nghèo, số hộ cận nghèo (số hộ nghèo, số hộ cận nghèo căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của cấp có thẩm quyền).

b) Đối với dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu (sau đây gọi là xã 135): Áp dụng 05 tiêu chí, gồm:

+ Tiêu chí về điều kiện tự nhiên: Diện tích đất tự nhiên, cự ly từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, xã miền núi, xã thuộc vùng cao hoặc biên giới.

+ Tiêu chí về dân số, dân tộc: Dân số của toàn xã. Dân tộc: Tính theo tỷ lệ (%) đối với các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển còn thấp so với mặt bằng chung toàn tỉnh (Dao, Mông, Sán Chay).

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Tiêu chí về số thôn của xã.

+ Tiêu chí về cơ sở hạ tầng thiết yếu: Đường giao thông từ trung tâm huyện đến trung tâm xã không đi được 4 mùa, chưa có nhà văn hoá xã, tỷ lệ hộ chưa được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, chưa có phòng học cho lớp tiểu học hoặc lớp học mẫu giáo.

- Các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II: Áp dụng 04 tiêu chí, gồm:

+ Tiêu chí về vị trí địa lý: Cự ly từ thôn đến trung tâm xã,

+ Tiêu chí về dân số: Dân số của toàn thôn.

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng thôn;

+ Tiêu chí về cơ sở hạ tầng thiết yếu: Chưa có đường giao thông từ thôn đến trung tâm xã, chưa có đủ phòng học cho các lớp mẫu giáo theo quy định, chưa có điện, chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng.

4. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Đối với xã 135

- Điểm tiêu chí điều kiện tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Diện tích đất tự nhiên từ 5.000 ha trở xuống	1
Diện tích tự nhiên trên 5.000 ha: cứ tăng thêm 5000 ha được cộng	0,1

Diện tích đất tự nhiên xác định số điểm lấy theo số liệu tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm sau.

Vị trí địa lý	Điểm
Cự ly từ trung tâm xã đến trung tâm huyện từ 10 km trở xuống	1
Cự ly từ trung tâm xã đến trung tâm huyện trên 10 km: cứ tăng thêm 5km được cộng	0,1
Xã miền núi	0,5
Xã thuộc vùng cao hoặc biên giới	1

Cự ly từ trung tâm xã đến trung tâm huyện xác định điểm theo số liệu tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm sau. Danh sách các xã thuộc vùng cao, biên giới theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Điểm tiêu chí dân số, dân tộc

Dân số	Điểm
Từ 1.000 người trở xuống	1
Trên 1.000 người: cứ tăng thêm 500 người được cộng	0,1

Dân số xác định điểm theo số liệu tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm sau.

Dân tộc	Điểm
Từ 70% trở xuống dân số thuộc các thành phần dân tộc: Mông, Dao, Sán Chay	1
Trên 70% dân số thuộc thành phần dân tộc: Mông, Dao, Sán Chay cứ tăng thêm 15% được cộng	0,1

Dân số dân tộc thiểu số xác định điểm theo số liệu tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm sau.

- Điểm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Điểm
Từ 30% tỷ lệ hộ nghèo trở xuống	1
Trên 30% tỷ lệ hộ nghèo: cứ thêm 20% tỷ lệ hộ nghèo được cộng	0,1
Cứ 20% tỷ lệ hộ cận nghèo được cộng	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo xác định điểm lấy theo số liệu của năm trước thực hiện cho năm sau.

- Điểm tiêu chí số thôn

Số thôn	Điểm
Từ 10 thôn trở xuống	1
Trên 10 thôn: cứ tăng thêm 5 thôn thì được cộng	0,1

Số thôn xác định điểm theo số liệu tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm sau.

- Điểm tiêu chí cơ sở hạ tầng thiết yếu

Cơ sở hạ tầng thiết yếu	Điểm
Đường giao thông cho xe cơ giới từ TT huyện đến TT xã, không đi được 4 mùa	1
Chưa có nhà văn hoá xã	1
Trên 50% số hộ chưa được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1
Chưa có phòng học cho lớp tiểu học hoặc lớp học mẫu giáo	1

Cơ sở hạ tầng thiết yếu xác định điểm theo số liệu tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm sau.

b) Đối với thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK) thuộc xã khu vực II

- Điểm tiêu chí vị trí địa lý

Vị trí địa lý	Điểm
Cự ly từ thôn đến trung tâm xã từ 10 km trở xuống	1
Cự ly từ thôn đến trung tâm xã, trên 10 km: cứ tăng thêm 5 km được cộng	0,1

- Điểm tiêu chí dân số, dân tộc

Dân số, dân tộc	Điểm
Thôn từ 300 người trở xuống	1
Thôn trên 300 người: cứ tăng thêm 100 người được cộng	0,1

- Điểm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Điểm
Từ 30% tỷ lệ hộ nghèo trở xuống	1
Trên 30% tỷ lệ hộ nghèo cứ thêm 20% tỷ lệ hộ nghèo được cộng	0,1
Cứ 20% tỷ lệ hộ cận nghèo được cộng	0,1

- Điểm tiêu chí cơ sở hạ tầng thiết yếu

Cơ sở hạ tầng thiết yếu	Điểm
Chưa có đường giao thông từ TT xã đến thôn	0,1

Chưa đủ phòng học cho các lớp mẫu giáo theo quy định	0,1
Chưa có điện	0,1
Chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng	0,1

Số liệu xác định điểm từng tiêu chí của thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II được quy định như đối với xã 135.

5. Xác định mức phân bổ vốn

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

- Định mức phân bổ vốn (ĐMPBV) cho xã 135: Lấy tổng vốn dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất (PTSX) của năm kế hoạch toàn tỉnh chia cho tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo các xã 135, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo sau đó nhân với tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của 1 xã 135 được tổng vốn hỗ trợ cho 1 xã 135, công thức tính như sau:

$$\text{ĐMPBV xã 135} = \frac{\text{Tổng vốn Hỗ trợ PTSX các xã 135}}{\text{Tổng số (HN + HCN) các xã 135}} \times \text{số hộ nghèo, hộ cận nghèo của 01 xã 135}$$

- Định mức phân bổ vốn cho thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK) thuộc xã khu vực II: Lấy tổng vốn dự án Hỗ trợ PTSX của thôn ĐBKK toàn tỉnh chia cho tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo các thôn ĐBKK toàn tỉnh, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; sau đó nhân với tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của 1 thôn ĐBKK được tổng vốn hỗ trợ cho 1 thôn ĐBKK, công thức tính như sau:

$$\text{ĐMPBV thôn ĐBKK} = \frac{\text{Tổng vốn Hỗ trợ PTSX các thôn ĐBKK}}{\text{Tổng số (HN + HCN) các thôn ĐBKK}} \times \text{số HN, HCN của thôn ĐBKK}$$

b) Đối với dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Xác định mức phân bổ vốn cho xã 135

+ Xác định số điểm của xã 135: Tổng số điểm của 01 xã 135 bằng số điểm của tiêu chí điều kiện tự nhiên cộng với số điểm tiêu chí dân số, dân tộc cộng với số điểm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cộng với số điểm tiêu chí số thôn của xã cộng với số điểm tiêu chí điều kiện đặc thù; riêng đối với các xã An toàn khu tổng điểm của 01 xã bằng điểm của các tiêu chí cộng lại nhân với hệ số 1,5. Tổng số điểm của các xã 135 bằng số điểm của từng xã 135 cộng lại.

+ Tính định mức phân bổ vốn cho xã 135: Lấy tổng vốn dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng (HTĐTCSHT) của xã 135 toàn tỉnh chia cho tổng số điểm của các xã 135

của toàn tỉnh, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 điểm, sau đó nhân với tổng số điểm của 1 xã 135 được tổng vốn đầu tư cho 1 xã 135, công thức tính như sau:

$$\text{ĐMPBV xã 135} = \frac{\text{Tổng vốn dự án HTĐTCSHT các xã 135}}{\text{Tổng số điểm các xã 135}} \times \text{tổng số điểm 1 xã 135}$$

- Xác định mức phân bổ vốn cho thôn ĐBKK:

+ Xác định số điểm của thôn ĐBKK: Tổng số điểm của 01 thôn ĐBKK bằng số điểm của tiêu chí vị trí địa lý cộng với số điểm tiêu chí dân số, dân tộc cộng với số điểm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cộng với số điểm tiêu chí điều kiện đặc thù; tổng số điểm của các thôn ĐBKK bằng số điểm của từng thôn ĐBKK cộng lại

+ Tính định mức phân bổ vốn cho thôn ĐBKK: Lấy tổng vốn dự án CSHT của Thôn ĐBKK toàn tỉnh chia cho tổng số điểm của các Thôn ĐBKK của toàn tỉnh, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 điểm; sau đó nhân với tổng số điểm của Thôn ĐBKK được tổng vốn đầu tư cho Thôn ĐBKK, công thức tính như sau:

$$\text{ĐMPBV thôn ĐBKK} = \frac{\text{Tổng vốn HTĐTCSHT thôn ĐBKK}}{\text{Tổng số điểm các thôn ĐBKK}} \times \text{tổng số điểm 1 thôn ĐBKK}$$

- Xử lý trường hợp vượt mức vốn tối đa:

Đối với các xã, thôn khi xác định mức phân bổ vốn lần đầu theo các tiêu chí mà có tổng kinh phí lớn hơn mức tối đa chung thì lấy bằng mức tối đa (2.000 triệu đồng/xã, 400 triệu đồng/thôn). Việc xác định mức phân bổ kinh phí cho các xã, thôn còn lại sẽ được xác định trên cơ sở số kinh phí còn lại sau khi đã trừ cho các xã, thôn đạt mức tối đa và tổng số điểm của các xã thôn còn lại theo các công thức nêu trên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc: Có trách nhiệm tổng hợp các thông tin, số liệu do các cơ quan cung cấp hàng năm, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ vốn theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các huyện trong việc thực hiện nguồn vốn phân bổ hàng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn Chương trình 135 được giao hàng năm, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện phân bổ vốn cho các huyện theo tiêu chí quy định.

4. Các cơ quan liên quan và thời gian cung cấp số liệu

a) Cục Thống kê tỉnh: Cung cấp số liệu về dân số và tỷ lệ (%) các dân tộc thiểu số (Dao, Mông, Sán Chay).

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Cung cấp số liệu về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các xã 135, các thôn đặc biệt khó khăn.

c) Sở Nội vụ cung cấp số liệu về số thôn trong xã.

d) Sở Giao thông vận tải cung cấp số liệu về cự ly từ huyện đến trung tâm xã và từ trung tâm xã đến các thôn.

đ) UBND các huyện: Cung cấp số liệu về thực trạng cơ sở hạ tầng của các xã, thôn và diện tích đất tự nhiên của các xã được thụ hưởng Chương trình 135.

e) Thời gian cung cấp số liệu: Tháng 7 hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành